TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 48/2025/QĐST-DS	*Càng Long, ngày 19 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 447/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024.

Căn cứ vào đơn xin miễn giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm của ông Phạm Văn Ngon do là người cao tuổi.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1955. Địa chỉ: K, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thiên N, sinh năm 1997. Địa chỉ: khóm 8, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Lương Ngọc H, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về số tiền phải trả***: Bà Phạm Thị Thiên N đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Văn N và bà Lương Ngọc H thống nhất tự nguyện thỏa thuận như sau:

Bà Lương Ngọc H trả cho ông Phạm Văn N số tiền 157.000.000 đồng (một trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Ông Phạm Văn N thống nhất nhận số tiền này, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- ***Về thời gian trả***: Hai bên tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Số tiền 3.925.000 đồng. Hai bên tự nguyện thỏa thuận: Mỗi bển nộp 50% án phí nên bà Lương Ngọc H phải nộp 1.962.500 đồng, ông Phạm Văn N phải nộp 1.962.500 đồng. Ông N là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên ông N được miễn nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Huỳnh Sa Rên